

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-100 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-100 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

File No. Số Hồ Sơ:		Law Enforcement Case No. Số Hồ Sơ của Cơ Quan Thi Hành Luật Pháp		LID No. Số LID	SID No. Số SID	FBI No. Số FBI		
WARRANT FOR ARREST TRÁT BẮT GIỮ								
STATE OF NORTH CAROLINA TIỂU BANG NORTH CAROLINA								
Offense Tội trạng		_____ County In The General Court Of Justice District Court Division Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý Phân Bộ Tòa Án Khu Vực						
THE STATE OF NORTH CAROLINA VS. TIỂU BANG NORTH CAROLINA CHỐNG LẠI								
Name And Address of Defendant Tên và Địa Chỉ Bị Cáo								
Race Chủng tộc	Sex Giới tính	Date Of Birth (mm/dd/yyyy) Ngày sinh (tháng/ngày/năm)	Age Tuổi	To any officer with authority and jurisdiction to execute a warrant for arrest for the offense(s) charged below: Lưu ý dành cho bất kỳ viên chức nào có thẩm quyền và quyền hạn thực hiện trát bắt giữ phạm nhân liên quan đến (các) tội phạm dưới đây:				
Social Security No./Tax ID No. Số an sinh xã hội/Số ID đóng thuế		Drivers License No. & State Số bằng lái và tiểu bang cấp bằng lái		I, the undersigned, find that there is probable cause to believe that on or about the date of offense shown and in the county named above the defendant named above unlawfully, willfully and feloniously did Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận rằng có đủ cơ sở chính đáng để tin rằng vào hoặc khoảng ngày vi phạm ghi kể bên, và trong quận/hạt nêu trên, bị cáo có tên trên đã cố ý có hành vi bất hợp pháp với ác ý, cụ thể là				
Name Of Defendant's Employer Tên công ty tuyển dụng bị cáo								
Offense Code(s) (Các) Mã số tội trạng		Offense In Violation Of G.S. Tội này vi phạm G.S.						
Date Of Offense (mm/dd/yyyy) Ngày phạm tội (tháng/ngày/năm)								
Date Of Arrest (mm/dd/yyyy) & Check Digit No. (As Shown On Fingerprint Card) Ngày (tháng/ngày/năm) bị bắt giữ và Số hồ sơ lăn tay (như được ghi trên phiếu lăn dấu vân tay)								
Complainant (Name, Address Or Department) Người tố cáo (tên, địa chỉ hay bộ phận)								
Names & Addresses Of Witnesses (Including Counties & Telephone Nos.) Tên và địa chỉ của các nhân chứng (bao gồm quận/hạt và số điện thoại)								
<input type="checkbox"/> Misdemeanor Offense Which Requires Fingerprinting Per Fingerprint Plan Tội tiểu hình này thuộc diện phải lấy dấu vân tay theo quy định lăn tay		Date Issued (mm/dd/yyyy) Ngày ban hành (ngày/tháng/năm)		Signature Chữ ký		Location Of Court Địa điểm Tòa Án	Court Date (mm/dd/yyyy) Ngày phiên tòa (ngày/tháng/năm)	
				<input type="checkbox"/> Magistrate Quan tòa <input type="checkbox"/> Assistant CSC Phụ Tá LSTTT		<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT <input type="checkbox"/> Clerk Of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm		Court Time Giờ phiên tòa <input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều

(Over)
(Xem mặt sau)

<p>If this Warrant For Arrest is not served within one hundred and eighty (180) days, it must be returned to the Clerk of Court in the county in which it was issued with the reason for the failure of service noted thereon. Nếu Trát Bắt Giữ này vẫn chưa tổng đạt được sau một trăm tám chục (180) ngày, hãy ghi lý do không tổng đạt được trên trát tòa và trả lại cho Lục Sự Tòa Án của quận/hạt nơi ban hành trát.</p>	District Attorney Công Tố Viên Quận/Hạt	<input type="checkbox"/> Waived Từ bỏ quyền <input type="checkbox"/> Not Indigent Không phải người nghèo <input type="checkbox"/> Denied Bị từ chối	Attorney For Defendant Luật sư của bị cáo	<input type="checkbox"/> Appointed Được chỉ định <input type="checkbox"/> Retained Được thuê	PRIOR CONVICTIONS: CÁC TIỀN AN: No./Level: <u> 0 </u> I (0) <u> </u> II (1-4) <u> </u> III(5+) Số/Bậc:	
RETURN OF SERVICE HỒI BÁO SAU KHI TỔNG ĐẠT	PLEA: LỜI TRẢ LỜI CÁO TRẠNG: <input type="checkbox"/> guilty nhận tội <input type="checkbox"/> no contest không chối tội <input type="checkbox"/> guilty nhận tội <input type="checkbox"/> no contest không chối tội <input type="checkbox"/> guilty nhận tội <input type="checkbox"/> no contest không chối tội <input type="checkbox"/> not guilty không nhận tội				VERDICT: PHÁN QUYẾT: <input type="checkbox"/> guilty có tội <input type="checkbox"/> guilty có tội <input type="checkbox"/> guilty có tội <input type="checkbox"/> guilty có tội <input type="checkbox"/> not guilty không có tội	
I certify that this Warrant was received and served as follows: Tôi chứng nhận rằng Trát Tòa này đã được giao nhận và tổng đạt như sau:						
Date Received (mm/dd/yyyy) Ngày nhận (ngày/tháng/năm)	Time Served Giờ tổng đạt <input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều					
Date Served (mm/dd/yyyy) Ngày tổng đạt (ngày/tháng/năm)	Date Returned (mm/dd/yyyy) Ngày hồi báo (ngày/tháng/năm)					
<input type="checkbox"/> By arresting the defendant and bringing the defendant before: Bị cáo được bắt giữ và đưa đến trình diện trước:						
Name Of Judicial Official Tên Viên Chức Tòa Án						
<input type="checkbox"/> This Warrant WAS NOT served for the following reason: Trát này KHÔNG được tổng đạt vì lý do sau:						
Signature Of Officer Making Return Chữ ký của Viên Chức hồi báo	Name Of Officer (type or print) Tên của Viên Chức (đánh máy hay viết chữ in)					
Department Or Agency Of Officer Phân bộ hoặc cơ quan của Viên Chức						
REDELIVERY/REISSUANCE TỔNG ĐẠT LẠI/PHÁT LỆNH LẠI						
Date (mm/dd/yyyy) Ngày (ngày/tháng/năm)	Signature Chữ ký	<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT <input type="checkbox"/> Assist. CSC Phụ tá LSTTT <input type="checkbox"/> CSC LSTTT				
JUDGMENT: The defendant appeared in open court and freely, voluntarily and understandingly entered the above plea; on the above verdict, it is ORDERED that the defendant: <input type="checkbox"/> pay costs and a fine of \$ _____.						
BẢN ÁN: Bị cáo đã ra hầu phiên tòa công khai và nhận/không nhận tội một cách tự do, tự nguyện và có hiểu biết; chiếu theo phán quyết ghi trên, Tòa Án RA LỆNH rằng bị cáo: <input type="checkbox"/> phải trả các án phí và tiền phạt là \$ _____.						
<input type="checkbox"/> be imprisoned for a term of _____ days in the custody of the <input type="checkbox"/> sheriff. <input type="checkbox"/> MCP. <input type="checkbox"/> DACJJ.* Pretrial credit _____ days served. bị giam tù trong _____ ngày dưới sự quản lý của <input type="checkbox"/> cảnh sát trưởng quận/hạt. <input type="checkbox"/> MCP. <input type="checkbox"/> DACJJ.* Trừ _____ ngày đã bị giam trước ngày xét xử.						
<input type="checkbox"/> Work release <input type="checkbox"/> is recommended. <input type="checkbox"/> is not recommended. <input type="checkbox"/> is ordered. (use form AOC-CR-602) Tòa Án <input type="checkbox"/> đề nghị <input type="checkbox"/> không đề nghị [<input type="checkbox"/> ra lệnh bắt buộc (dùng mẫu AOC-CR-602)] bị cáo tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm.						
<input type="checkbox"/> The Court finds that a <input type="checkbox"/> longer <input type="checkbox"/> shorter period of probation, than that which is specified in G.S. 15A-1343.2(d), is necessary. Tòa Án xác nhận cần có thời gian quản chế <input type="checkbox"/> lâu hơn <input type="checkbox"/> ngắn hơn thời gian quy định trong điều G.S. 15A-1343.2(d).						
<input type="checkbox"/> Execution of the sentence is suspended and the defendant is placed on unsupervised probation* for _____ months, subject to the following conditions: (1) commit no criminal offense in any jurisdiction. (2) possess no firearm, explosive or other deadly weapon listed in G.S.14-269. (3) remain gainfully and suitably employed or faithfully pursue a course of study or of vocational training, that will equip the defendant for suitable employment, and abide by all rules of the institution. (4) satisfy child support and family obligations, as required by the Court. (5) pay to the Clerk the costs of court and any additional sums shown below. Tòa án treo bản án và ra lệnh quản chế không giám sát* trong _____ tháng, với điều kiện bị cáo: (1) không phạm tội hình sự ở bất kỳ khu vực nào. (2) không có súng, chất nổ hoặc bất kỳ vũ khí gây chết người nào khác được ghi trong điều G.S. 14-269. (3) tiếp tục duy trì việc làm phù hợp và có lương, hoặc kiên trì theo đuổi một chương trình học tập hay huấn nghệ trang bị đầy đủ kiến thức để bị cáo có thể kiếm được việc làm phù hợp, và luôn tuân thủ tất cả các nội quy của nơi học tập. (4) đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ gia đình và cấp dưỡng con, theo lệnh của Tòa Án. (5) thanh toán cho Lục Sự các án phí và bất kỳ khoản tiền thêm nào được ghi dưới đây.						
Fine Tiền phạt \$	Restitution** Tiền bồi thường** \$	Attorney's Fee Chi phí luật sư \$	Community Service Fee Chi phí phục vụ cộng đồng \$	Other Chi phí khác \$		
**Name(s), address(es), amount(s) for aggrieved party(ies) to receive restitution: (Note to Clerk: Record SSN or Tax ID. No. of aggrieved party(ies) on AOC-CR-382. "Certification of Identity (Victims' Restitution)/Certification of Identity (Witness Attendance).") **Ghi tên, địa chỉ của (các) bên bị thiệt hại và số tiền cần được bồi thường: (Lục Sự Xin Lưu Ý: Ghi số an sinh xã hội hoặc số ID đóng thuế của (các) bên bị thiệt hại vào AOC-CR-382, "Chứng Nhận Nhân Thân (Bồi Thường Nạn Nhân)/Chứng Nhận Nhân Thân (Thủ Lao Cho Nhân Chứng).")						

*NOTE: If DWI, use AOC-CR-342 (active) or AOC-CR-310 (probation). If active sentence to DACJJ, use AOC-CR-602. If supervised probation, use AOC-CR-604.
 *LƯU Ý: Đối với các vụ lái xe trong tình trạng không tỉnh táo, hãy dùng mẫu AOC-CR-342 (án phạt tù) hoặc AOC-CR-310 (án phạt quản chế). Nếu là án phạt tù dưới sự quản lý của DACJJ, dùng mẫu AOC-CR-602. Nếu là án phạt quản chế có giám sát, dùng mẫu AOC-CR-604.

(Over)
 (Xem mặt sau)

RETURN FOLLOWING REDELIVERY/REISSUANCE
HỒI BÁO SAU KHI TỔNG ĐẠT/PHÁT LỆNH LẠI

I certify that this Warrant was received and served as follows:
Tôi chứng nhận rằng Trát Tòa này đã được giao nhận và tổng đạt như sau:

Date Received (mm/dd/yyyy) Ngày nhận (ngày/tháng/năm)	Time Served Giờ tổng đạt	<input type="checkbox"/> AM Sáng <input type="checkbox"/> PM Chiều
Date Served (mm/dd/yyyy) Ngày tổng đạt (ngày/tháng/năm)	Date Returned (mm/dd/yyyy) Ngày hồi báo (ngày/tháng/năm)	

By arresting the defendant and bringing the defendant before:
Bị cáo được bắt giữ và đưa đến trình diện trước:

Name Of Judicial Official
Tên Viên Chức Tòa Án

This Warrant WAS NOT served for the following reason:
Trát này KHÔNG được tổng đạt vì lý do sau:

Signature Of Officer Making Return Chữ ký của Viên Chức hồi báo	Name Of Officer (type or print) Tên của Viên Chức (đánh máy hay viết chữ in)
--	---

Department Or Agency Of Officer
Phân bộ hoặc cơ quan của Viên Chức

APPEAL ENTRIES
CÁC GHI CHÚ VỀ VIỆC KHÁNG CÁO

The defendant, in open court, gives notice of appeal to the
 District Superior Court.
 Bị cáo thông báo tại phiên tòa công khai là sẽ kháng cáo lên
Tòa Án Khu Vực Thượng Thẩm.
 The current pretrial release order is modified as follows:
Lệnh tại ngoại chờ xét xử hiện tại được sửa đổi như sau:

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (ngày/tháng/năm)	Signature Of District Court Judge Or Magistrate Chữ ký của Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực hay Quan Tòa
--	---

WAIVER OF PROBABLE CAUSE HEARING
TỪ BỎ QUYỀN CÓ PHIÊN TÒA ĐỂ XÁC ĐỊNH CƠ SỞ CHÍNH ĐÁNG

The undersigned defendant, with the consent of his/her attorney,
waives the right to a probable cause hearing.
Bị cáo ký tên dưới đây, sau khi được luật sư đại diện cho mình
đồng ý, đã từ bỏ quyền có phiên tòa để xác định cơ sở chính đáng.

Date Waived (mm/dd/yyyy) Ngày từ bỏ quyền (ngày/tháng/năm)	Signature Of Defendant Chữ ký của bị cáo
	Signature Of Attorney Chữ ký của luật sư

6. complete _____ hours of community service during the first _____ days of probation, as directed by the judicial services coordinator, and pay the fee prescribed by G.S. 143B-708 within _____ days.
hoàn tất _____ giờ phục vụ cộng đồng trong vòng _____ ngày đầu tiên của thời gian quản chế theo chỉ dẫn của nhân viên điều phối dịch vụ tòa án, và trả phí được quy định trong điều G.S.143B-708 trong vòng _____ ngày.
7. not be found in or on the premises of the complainant or _____
không có mặt trong hoặc xung quanh chỗ của người tố cáo hoặc _____
8. not assault, communicate with or be in the presence of the complainant or _____
không hành hung, tiếp xúc với hoặc có mặt cùng chỗ với người tố cáo hoặc _____
9. provide a DNA sample pursuant to G.S. 15A-266.4. (AOC-CR-319)
cung cấp mẫu DNA chiếu theo điều G.S. 15A-266.4. (AOC-CR-319)
10. Other:
Điều kiện khác: _____

It is **ORDERED** that this: Judgment is continued upon payments of costs.
Tòa Án RA LỆNH: Tạm dừng bản án này khi các án phí được thanh toán đầy đủ.
 case be consolidated for judgment with _____
nhập vụ án này cùng với _____ để tuyên án chung.
 sentence is to run at the expiration of the sentence in _____
bản án này sẽ bắt đầu có hiệu lực khi bị cáo hoàn tất bản án đang thụ hành vào _____

COMMITMENT: It is **ORDERED** that the Clerk deliver **two** certified copies of this Judgment and Commitment to the sheriff and that the sheriff cause the defendant to be retained in custody to serve the sentence imposed or until the defendant shall have complied with the conditions of release pending appeal.

LỆNH GIAM TÙ: Tòa Án RA LỆNH cho Lục Sự giao **hai** bản sao chứng thực sao y bản chính của Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này cho cảnh sát trưởng quận/hạt, và ra lệnh cho cảnh sát trưởng quận/hạt thực hiện việc giam giữ bị cáo cho đến khi thụ hành xong bản án đã tuyên hoặc đến khi bị cáo đáp ứng các điều kiện để được tại ngoại trong thời gian chờ kháng cáo.

PROBABLE CAUSE:
 Probable cause is found as to all Counts except _____, and the defendant is bound over to Superior Court for action by the grand jury.
 No probable cause is found as to Count(s) _____ of this Warrant, and the Count(s) is dismissed.

CƠ SỞ CHÍNH ĐÁNG:
 Tòa Án xác nhận có cơ sở chính đáng đối với tất cả các tội trạng trừ phi _____, và rằng bị cáo cần được chuyển đến Tòa Án Thượng Thẩm để đại bồi thẩm đoàn xem xét và quyết định.
 Tòa Án không thấy có cơ sở chính đáng đối với (các) tội trạng _____ trong Trát Tòa này, và (các) tội trạng đó được bác bỏ.

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (ngày/tháng/năm)	Name Of District Court Judge Or Magistrate (type or print) Tên của Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực hay Quan Tòa (đánh máy hay viết chữ in)	Signature Of District Court Judge Or Magistrate Chữ ký của Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực hay Quan Tòa
--	--	---

CERTIFICATION
CHỨNG NHẬN

I certify that this Judgment is a true and complete copy of the original which is on file in this case.
Tôi xác nhận rằng Phán Quyết này là một bản sao chính xác và đầy đủ của bản gốc hiện được lưu ở hồ sơ vụ án.

Date (mm/dd/yyyy) Ngày (ngày/tháng/năm)	Date Delivered To Sheriff (mm/dd/yyyy) Ngày giao cho Cảnh Sát Trưởng Quận/Hạt (ngày/tháng/năm)	Signature Chữ ký	<input type="checkbox"/> Deputy CSC Phó LSTTT	<input type="checkbox"/> Asst. CSC Phụ tá LSTTT
			<input type="checkbox"/> Clerk of Superior Court Lục Sự Tòa Thượng Thẩm	